

# KHẢ NĂNG CẠNH TRANH QUỐC TẾ TRONG NỀN KINH TẾ SỐ: GÓC NHÌN TỪ MỘT CHÍNH PHỦ NĂNG ĐỘNG\*

PGS, TS VƯƠNG VĂN NA \*\*, TS DƯƠNG CHẤN \*\*\*

## 1. Nội hàm và đặc điểm cơ bản của năng lực cạnh tranh quốc tế trong nền kinh tế số *Nội hàm của nền kinh tế số*

Khái niệm “kinh tế số” lần đầu tiên được Don Tapscott đề xuất trong cuốn sách “*Kinh tế số: Cơ hội và thách thức trong kỷ nguyên trí tuệ mạng*” (năm 1996), đã trải qua ba giai đoạn phát triển: Kinh tế thông tin, kinh tế internet và kinh tế mới. Nhìn chung, giới học thuật cũng đưa ra nhiều góc tiếp cận để định nghĩa kinh tế số, chủ yếu bao gồm: 1) *Góc độ đặc trưng*, tập trung vào các đặc tính cơ bản của nền kinh tế số, gồm những đặc điểm của các yếu tố dữ liệu và công nghệ số trong bối cảnh mới; 2) *Góc độ chủ thể*, tập trung vào các thực thể vi mô của nền kinh tế số, cụ thể là các doanh nghiệp số, các tổ chức doanh nghiệp mới cũng như các hình thức công nghiệp được thúc đẩy bởi các thực thể đổi mới công nghiệp; 3) *Góc độ ngành*, tập trung vào hệ thống công nghiệp mới với cấu trúc lõi là các ngành công nghiệp số và quá trình

chuyển đổi số công nghiệp; 4) *Góc độ mô hình kinh tế - công nghệ*, tập trung vào các hình thức kinh tế mới được thúc đẩy bởi các công nghệ đa dụng trong làn sóng cách mạng công nghệ số. Nói chung, kinh tế số là một hình thức kinh tế mới khác biệt so với kỷ nguyên kinh tế công nghiệp truyền thống, bao gồm hai phần: 1) Các ngành công nghiệp cơ bản của nền kinh tế số; 2) Hiệu ứng tích hợp của nền kinh tế số, trải rộng trên các cấp độ công nghệ, ngành (công nghiệp), quy trình kinh doanh và quản trị xã hội.

## *Nội hàm của năng lực cạnh tranh quốc tế trong nền kinh tế số*

Năng lực cạnh tranh quốc tế trong nền kinh tế số được xây dựng dựa trên nền tảng hình thái kinh tế số của một quốc gia, tức là trong cấu trúc kinh tế quốc dân của quốc gia đó tồn tại các yếu tố nền tảng, hình thái ngành và động lực tăng trưởng cho sự phát triển kinh tế số. Trong môi trường này, các ngành công nghiệp khác nhau theo mô hình kinh tế số thể hiện khả năng cạnh tranh mạnh mẽ và chiếm giữ các vị trí cạnh tranh chủ chốt trong cạnh tranh quốc tế. Vị thế cạnh tranh cao này được thể hiện toàn diện ở các cấp độ: 1) *Cấp độ yếu tố sản xuất*: Tập trung ở các yếu tố dữ liệu, thông qua sự thâm nhập sâu vào chuỗi

\* Nguồn: *Tạp chí Khoa học và Xã hội Trưng Khánh*, số 1/2026, tr.20-37

\*\*Nghiên cứu viên cao cấp, Viện Kinh tế công nghiệp

\*\*\*Học viện Khoa học xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh; Trung tâm Nghiên cứu đổi mới công nghệ, Đại học Thanh Hoa, Bắc Kinh

công nghiệp, chuỗi đổi mới và chuỗi giá trị, dữ liệu trở thành yếu tố cốt lõi để một quốc gia tham gia cạnh tranh giành các phân khúc giá trị cao và làm chủ các mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu; 2) *Cấp độ doanh nghiệp*: Thể hiện ở việc các doanh nghiệp số trở thành động lực đổi mới công nghệ chủ chốt trong sự phát triển đổi mới của nền kinh tế số; 3) *Cấp độ ngành*: Thể hiện ở việc các ngành công nghiệp số cốt lõi và tiến trình chuyển đổi số ngành công nghiệp có thể tham gia sâu và dẫn dắt sự phân công lao động trong chuỗi công nghiệp toàn cầu theo hình thức cụm ngành, thông qua tỷ lệ sở hữu bằng sáng chế thiết yếu về tiêu chuẩn số dẫn đầu. Điều này giúp “khóa chặt” lợi thế cạnh tranh, đồng thời định hướng và dẫn dắt sự phát triển của ngành.

### **Đặc điểm cạnh tranh quốc tế trong nền kinh tế số**

*Thứ nhất, tính cạnh tranh mạnh mẽ của nền kinh tế số.* Nghĩa là nền kinh tế số của một quốc gia tham gia sâu vào thị trường cạnh tranh quốc tế. Quá trình công nghiệp số hóa hoặc chuyển đổi số ngành công nghiệp của một quốc gia được tích hợp sâu vào mạng lưới và hệ thống công nghiệp toàn cầu, hình thành năng lực chuyển đổi cấu trúc của hệ thống ngành đó, thông qua việc dẫn đầu các tiêu chuẩn công nghệ và kiểm soát các mắt xích quan trọng của chuỗi công nghiệp, quốc gia đó giành được quyền thiết lập các quy tắc ngành. Bằng cách dẫn đầu quỹ đạo công nghệ, họ tái cấu trúc chuỗi công nghiệp và mạng lưới chuỗi giá trị toàn cầu.

*Thứ hai, tính giá trị gia tăng cao của nền kinh tế số.* Một mặt, các ngành công nghiệp số cốt lõi có thể tạo ra giá trị gia tăng công nghiệp cao và chiếm vị trí từ trung đến cao cấp trong

chuỗi giá trị toàn cầu bằng cách tái cấu trúc cơ chế thu lợi nhuận trong cạnh tranh công nghiệp quốc tế truyền thống; mặt khác, các ngành công nghiệp số cốt lõi có thể phát huy hiệu ứng tăng cường mạnh mẽ thông qua sự tích hợp sâu rộng với nhiều ngành công nghiệp truyền thống, cho phép các ngành này vượt qua những giới hạn ban đầu và tiến lên phân khúc trung và cao cấp của chuỗi giá trị công nghiệp.

*Thứ ba, nền kinh tế số sở hữu nền tảng vững chắc ở cấp độ vi mô.* Nghĩa là, một số lượng lớn các doanh nghiệp số tiên tiến và đẳng cấp thế giới - những tổ chức đang dẫn dắt cuộc cạnh tranh toàn cầu về sản phẩm và dịch vụ số - đã trở thành những chủ thể tổ chức thị trường quan trọng của quốc gia. Các nền tảng tổ chức vi mô này sẽ dựa trên năng lực đổi mới, khả năng làm chủ công nghệ số và khả năng xuất khẩu hệ thống nền tảng số hàng đầu...; để tham gia sâu rộng và dẫn dắt sự cạnh tranh trên thị trường sản phẩm toàn cầu.

*Thứ tư, nền kinh tế số thể hiện sự hòa quyền giữa an ninh và phát triển.* Đặc trưng này thường được thể hiện ở tính tự chủ công nghệ mạnh mẽ, khả năng phục hồi chuỗi công nghiệp cao và khả năng quản trị rủi ro ưu việt. Cụ thể, các thực thể vi mô chủ chốt của nền kinh tế số trong một quốc gia có thể kiểm soát tính tự chủ của các công nghệ cốt lõi và quyền tự quyết trong lộ trình phát triển công nghệ quốc gia; các ngành công nghiệp liên quan sở hữu khả năng chống chịu rủi ro và khả năng phục hồi chuỗi công nghiệp mạnh mẽ; hệ thống pháp lý và hệ thống quản trị hỗ trợ sự phát triển của nền kinh tế số. Điều này giúp quốc gia có khả năng giải quyết những bất ổn hay các tác động tiêu cực tiềm tàng của việc ứng dụng công nghệ số

thông minh trong quá trình phát triển kinh tế số, từ đó đạt được sự hòa quyện giữa phát triển và bảo đảm an ninh trong kinh tế số.

## 2. Thực trạng năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế số Trung Quốc

### *Chuyển đổi số ngành công nghiệp và công nghiệp số hóa thúc đẩy phát triển kinh tế chất lượng cao*

Hiện nay, nền kinh tế số của Trung Quốc đã đạt được tốc độ tăng trưởng đáng kinh ngạc, liên tục giữ vững vị trí thứ hai thế giới về quy mô tổng thể trong nhiều năm liền, trở thành trụ cột quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế chất lượng cao. Dữ liệu từ *Sách trắng về phát triển kinh tế số của Trung Quốc* (năm 2021) và *Báo cáo nghiên cứu về phát triển kinh tế số của Trung Quốc* (năm 2024) do Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông Trung Quốc công bố cho thấy, trong giai đoạn 2012-2023, tổng giá trị sản lượng của nền kinh tế số Trung Quốc đã tăng gấp 3,8 lần, nhảy vọt từ 11,2 nghìn tỷ nhân dân tệ lên 53,9 nghìn tỷ nhân dân tệ. Đồng thời, tỷ trọng đóng góp của nền kinh tế số vào GDP cũng tăng trưởng ổn định, đạt 42,8% (năm 2023). Về mặt cấu trúc, các thành phần cốt lõi của nền kinh tế số - công nghiệp hóa số và số hóa công nghiệp - cùng thúc đẩy sự phát triển. Hơn nữa, với sự tích hợp sâu rộng giữa công nghệ số và các ngành công nghiệp truyền thống, tác động thúc đẩy của công nghệ số lên các ngành truyền thống không ngừng được phát huy, quy mô chuyển đổi số trong các ngành mở rộng nhanh chóng, trở thành động lực chính cho sự tăng trưởng kinh tế số.

### *Bước nhảy vọt trong phát triển hạ tầng cơ sở số*

Dưới định hướng chiến lược quốc gia về

xây dựng sức mạnh an ninh mạng và hạ tầng số, Trung Quốc đã đạt được những bước phát triển vượt bậc. *Thứ nhất*, dẫn đầu thế giới về xây dựng mạng lưới thông tin và truyền thông, đặc biệt là quy mô mạng cáp quang (đến cuối tháng 6/2024, tổng chiều dài mạng cáp quang toàn quốc đạt 67,12 triệu km) và mạng băng thông rộng di động cũng như thị trường 5G (đến cuối năm 2022 chiếm hơn 60% tổng số kết nối 5G toàn cầu). *Thứ hai*, hạ tầng năng lực tính toán dẫn đầu thế giới với hơn 30 thành phố đã đề xuất xây dựng các trung tâm điện toán thông minh; hệ thống trung tâm dữ liệu lớn tích hợp quốc gia về cơ bản đã hình thành. Đến cuối năm 2023, Trung Quốc đã xây dựng được 14 trung tâm siêu máy tính cấp quốc gia và 633 trung tâm dữ liệu quy mô lớn và siêu lớn đang hoạt động, với tổng công suất tính toán vượt quá 230 EFLOPS, chỉ đứng sau Mỹ.

### *Không ngừng nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo công nghệ số*

*Thứ nhất*, tổng lượng và cường độ đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) của Trung Quốc thuộc hàng cao nhất thế giới. Theo thống kê năm 2023, tổng chi tiêu xã hội cho R&D đạt 3,3 nghìn tỷ nhân dân tệ, chỉ đứng sau Mỹ. Cường độ đầu tư cho R&D đạt 2,65%, xếp thứ 12 toàn cầu. Tổng số nhân lực R&D cũng liên tục đứng đầu thế giới.

*Thứ hai*, số lượng các bài báo chất lượng cao về trí tuệ nhân tạo (AI) tiếp tục tăng. Theo *Niên giám Nghiên cứu trí tuệ nhân tạo*, giai đoạn 2017-2022, Trung Quốc đã công bố khoảng 243.000 bài báo về AI, chiếm 25% tổng số bài báo toàn cầu và gấp 1,42 lần so với Mỹ (171.000 bài báo). Về số lượng bài báo nằm trong top 10% được trích dẫn nhiều nhất, Mỹ có 34.036 bài, trong khi Trung

Quốc có 29.229 bài.

*Thứ ba*, Trung Quốc dẫn đầu thế giới về bằng sáng chế kỹ thuật số. Đến năm 2022, số lượng đơn đăng ký bằng sáng chế quốc tế (PCT) của Trung Quốc trong lĩnh vực thông tin đã đạt mức cao kỷ lục với khoảng 32.000 đơn, chiếm 37% tổng số toàn cầu; bằng sáng chế về 5G và internet công nghiệp của Trung Quốc dẫn đầu thế giới, chiếm 40% tổng số bằng sáng chế toàn cầu; tổng số bằng sáng chế công nghệ kỹ thuật số của Trung Quốc là 387.989, gấp 2,9 lần so với Mỹ. Về số lượng bằng sáng chế AI được cấp trên toàn cầu, Trung Quốc chiếm 61,1%, gấp 2,92 lần so với Mỹ.

#### *Thương mại số liên tục được tối ưu*

*Một mặt*, quy mô xuất, nhập khẩu dịch vụ phân phối kỹ thuật số (Digital Delivery Service) tiếp tục tăng. Theo số liệu của Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) (năm 2023), tổng kim ngạch xuất khẩu dịch vụ phân phối kỹ thuật số của Trung Quốc đạt 216,265 tỷ USD, chiếm 4,4% tổng lượng toàn cầu, xếp thứ 6 thế giới; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 171,318 tỷ USD, chiếm 4,4% tổng lượng toàn cầu, xếp thứ 7 thế giới. Xét cân cán thương mại, thương mại dịch vụ kỹ thuật số của Trung Quốc đã chuyển từ thâm hụt sang thặng dư vào năm 2015.

*Mặt khác*, cơ cấu nội bộ của thương mại dịch vụ phân phối kỹ thuật số đã được tối ưu hóa. So với Mỹ, năm 2011, xuất khẩu dịch vụ viễn thông, máy tính và thông tin của Trung Quốc chỉ đạt 13,908 tỷ USD, xấp xỉ 47,3% so với Mỹ trong cùng kỳ. Tuy nhiên, đến năm 2020, Trung Quốc đã chính thức vượt qua Mỹ. Xét về cán cân thương mại, khác biệt đáng kể so với cán cân xuất, nhập

khẩu dịch vụ kỹ thuật số của Trung Quốc, thặng dư thương mại của Trung Quốc trong các lĩnh vực viễn thông, máy tính và thông tin luôn lớn hơn đáng kể so với Mỹ. Điều này cho thấy, các phân ngành có hàm lượng tri thức và công nghệ cao trong thương mại dịch vụ kỹ thuật số của Trung Quốc đã trở thành những thành phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển của thương mại kỹ thuật số, và cơ cấu nội bộ của thương mại số đã được tối ưu hóa.

### **3. Định vị lại chức năng của Chính phủ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế số Trung Quốc dưới sự dẫn dắt của chính phủ kiến tạo**

#### *Về chiến lược: Đặt nền kinh tế số ở vị trí ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế*

Từ góc độ mô hình kinh tế - kỹ thuật, nền kinh tế số là quá trình được thúc đẩy bởi sự đổi mới công nghệ số, dẫn đến việc chuyển đổi số các ngành công nghiệp và nâng cấp các ngành công nghiệp truyền thống, từ đó thúc ép thể chế phải thích ứng để tạo nên sự tiến hóa đồng bộ giữa công nghệ, kinh tế, xã hội và thể chế. Nhận thức rõ thực trạng nền tảng kinh tế số còn tương đối yếu, tại Hội nghị toàn thể lần thứ năm khóa XVIII (năm 2015), Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề xuất thực hiện chiến lược quốc gia về cường quốc mạng và dữ liệu lớn. Điều này đánh dấu sự khởi đầu của con đường phát triển tập trung vào nền kinh tế thông tin và lấy “internet + ngành công nghiệp” làm trọng tâm, biến năm 2015 thành một bước ngoặt lịch sử quan trọng đối với sự phát triển kinh tế số của Trung Quốc.

Với sự phát triển của nền kinh tế số, các yêu cầu khách quan đối với sự phát triển đồng bộ của công nghệ, kinh tế, xã hội và thể chế đã

tăng lên đáng kể. Từ năm 2019 đến nay, Trung Quốc đã nhiều lần đổi mới thể chế quan trọng khi nhận thức được chức năng của dữ liệu số, thuộc tính lực lượng sản xuất của năng lực tính toán và thuật toán, cũng như tính đồng bộ giữa “Trung Quốc số”, kinh tế số và xã hội số. Trong “Kế hoạch 5 năm lần thứ 14 về phát triển kinh tế và xã hội quốc gia và tầm nhìn đến năm 2035” của Trung Quốc, chiến lược “Trung Quốc số” được cụ thể hóa thành bốn trụ cột: Kinh tế số, xã hội số, chính phủ số và hệ sinh thái số. Việc tích hợp sự phát triển phối hợp của 4 yếu tố trong cùng một văn bản quy hoạch chiến lược đánh dấu một giai đoạn mới trong chiến lược phát triển kinh tế số của Trung Quốc: Thiết lập toàn diện một “hệ sinh thái số” hài hòa giữa “kinh tế số”, “xã hội số”, “chính phủ số”. Trong quá trình thúc đẩy phát triển kinh tế số, không có bất kỳ mô hình hay hệ thống lý thuyết hoàn chỉnh nào để sao chép. Do đó, Trung Quốc phải kết hợp những điều kiện cơ bản của quốc gia với các quy luật điều chỉnh sự phát triển của kinh tế số, thực hiện đổi mới thể chế và xây dựng con đường phát triển kinh tế số mang đặc sắc Trung Quốc.

**Lựa chọn chính sách: Xây dựng “công xưởng ngành” tập trung vào các yếu tố dữ liệu và hạ tầng cơ sở công nghiệp số**

Đầu tiên, cần phát triển thị trường yếu tố dữ liệu và xây dựng “công xưởng yếu tố dữ liệu”. Chính phủ Trung Quốc rất coi trọng việc phát triển thị trường yếu tố dữ liệu và đã thực hiện một loạt các cải cách thể chế chiến lược cấp cao cho mục tiêu này. Một mặt, Chính phủ Trung Quốc đã đẩy nhanh xây dựng hạ tầng cơ sở cho thị trường yếu tố dữ liệu, đề xuất xây dựng các nền tảng dữ liệu lớn quốc gia và hệ thống trung tâm dữ liệu

đa tầng; triển khai một loạt các kế hoạch hành động về thông tin dữ liệu và công nghệ trí tuệ số để mở rộng phạm vi ứng dụng của các yếu tố dữ liệu, bồi dưỡng các mô hình kinh doanh mới và liên tục giải phóng các giá trị kinh tế còn tiềm ẩn. Mặt khác, về nhận thức bản chất luận của dữ liệu, dữ liệu được định vị là một yếu tố sản xuất. Năm 2020, ý kiến của Trung ương Đảng và Quốc Vụ viện Trung Quốc là cần đẩy mạnh việc công nhận dữ liệu (data) là yếu tố sản xuất quan trọng, đặt ngang hàng với lao động, đất đai, vốn và công nghệ, nhằm xây dựng hệ thống phân bổ yếu tố thị trường hoàn chỉnh, thúc đẩy kinh tế số và nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua các chính sách cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế vận hành nền kinh tế. Thứ hai, khai thông huyết mạch hạ tầng số và xây dựng “công xưởng hạ tầng dữ liệu” là vô cùng quan trọng. Hạ tầng số, với tư cách là tư liệu lao động phổ dụng trong thời đại số, có thể thúc đẩy sự ra đời các mạng lưới giá trị mới, hệ thống dịch vụ mới, “loại hình” mới và mô hình kinh doanh mới thông qua quá trình hội tụ giữa thế giới ảo và thế giới vật lý.

**Phát triển chủ thể: Liên tục bồi dưỡng và phát triển doanh nghiệp số**

Nhằm củng cố lực lượng nòng cốt của các doanh nghiệp trong kỷ nguyên kinh tế số, cụ thể là các doanh nghiệp nền tảng (doanh nghiệp lớn) và các doanh nghiệp chuyển đổi số (doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các doanh nghiệp lớn truyền thống), Chính phủ Trung Quốc đã triển khai các chính sách theo ba hướng:

Thứ nhất, cung cấp hướng dẫn chuyển đổi số và triển khai các dự án thí điểm chuyển đổi số, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số ổn

định cho các doanh nghiệp truyền thống. Để giảm chi phí và rủi ro chuyển đổi số cho các doanh nghiệp truyền thống và tối ưu hóa gói chính sách hỗ trợ toàn diện, Chính phủ, tỉnh và thành phố ở Trung Quốc đã liên tiếp ban hành các hướng dẫn về chuyển đổi số và triển khai các dự án thí điểm, đề xuất mục tiêu cơ bản là “hướng dẫn và thúc đẩy chuyển đổi số của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nâng cao toàn diện năng lực số hóa của các doanh nghiệp này, thúc đẩy sự hội nhập sâu rộng giữa nền kinh tế số và nền kinh tế thực”. Bằng cách tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ, năng lực chuyển đổi số được đặt ở vị trí then chốt trong việc nâng cao năng lực tổng thể doanh nghiệp, từ đó gia tăng lợi thế cạnh tranh quốc tế của kinh tế số.

*Thứ hai*, phát triển các doanh nghiệp nền tảng và doanh nghiệp chuyển đổi số từ khía cạnh nuôi dưỡng thị trường tiên phong và hỗ trợ tài chính. *Một mặt*, Chính phủ Trung Quốc sẽ cung cấp các động lực bền vững cho sự phát triển đổi mới của các doanh nghiệp nền tảng số thông qua các chính sách về cầu như: Mua sắm công, xây dựng thành phố thông minh và khai thác tiềm năng tiêu dùng số. *Mặt khác*, tăng cường hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nền tảng và chuyển đổi số của doanh nghiệp. Đối với vấn đề này, Chính phủ và các tỉnh, thành phố đã ban hành một loạt chính sách nhằm khuyến khích việc chứng khoán hóa tài sản kỹ thuật số, hỗ trợ các doanh nghiệp kỹ thuật số tiếp cận thị trường vốn và thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm cho nền kinh tế số.

*Thứ ba*, tối ưu hóa môi trường phát triển cho các doanh nghiệp nền tảng, tập trung thúc đẩy sự phát triển lành mạnh, bền vững và có trật tự của doanh nghiệp nền tảng, thúc

đẩy năng lực cạnh tranh quốc tế. Xem xét hiệu ứng mạng lưới đa phương và lợi thế quy mô của nền kinh tế nền tảng để ngăn chặn các hành vi cạnh tranh gây tổn hại cho các doanh nghiệp nền tảng, đặc biệt là các doanh nghiệp hàng đầu, sử dụng lợi thế về dữ liệu, thuật toán và vốn, Chính phủ Trung Quốc tuân thủ nguyên tắc phát triển và quy phạm nhằm xây dựng một trật tự cạnh tranh phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế nền tảng. *Một mặt*, Chính phủ Trung Quốc thực hiện chính sách “đèn đỏ”, vạch rõ ranh giới pháp lý, tăng cường lập pháp, thực thi pháp luật và hoàn thiện thể chế chống độc quyền đối với các doanh nghiệp nền tảng để duy trì trật tự cạnh tranh công bằng. *Mặt khác*, áp dụng chính sách “đèn xanh” đối với đổi mới công nghệ và phát triển quốc tế của các doanh nghiệp nền tảng, hỗ trợ và khuyến khích họ làm chủ các công nghệ lõi, thực hiện đổi mới sáng tạo để nâng cao khả năng cạnh tranh toàn cầu và vươn tầm quốc tế. Về quốc tế hóa, có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nền tảng tích cực hội nhập vào cơ cấu tuần hoàn kép mới, xây dựng hệ thống logistics hoàn chỉnh trên toàn cầu thông qua mô hình “kho ngoại quan”. Về dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới và rủi ro sở hữu trí tuệ liên quan đến sự tham gia của doanh nghiệp nền tảng, trọng tâm là tăng cường bảo vệ quyền đầu tư của các doanh nghiệp nền tảng Trung Quốc thông qua sự mở cửa mang tính thể chế, phù hợp với các quy tắc và quy định thể chế quốc tế. Hơn nữa, để giảm chi phí và rủi ro cho các doanh nghiệp nền tảng hoạt động ở nước ngoài, Trung Quốc đang tích cực xây dựng các khu hợp tác kinh tế - thương mại ở nước ngoài và xây dựng hệ sinh thái thương mại điện tử xuyên biên giới bao

trùm toàn bộ chuỗi từ kho bãi, logistics, thanh toán, thông quan đến thanh toán ngoại hối.

***Xây dựng hệ sinh thái: Kiến tạo hệ sinh thái đổi mới kỹ thuật số cộng sinh và cùng có lợi***

Hệ sinh thái đổi mới kỹ thuật số được đặc trưng bởi sự số hóa các yếu tố đổi mới, ảo hóa các chủ thể tham gia và sự gắn kết chặt chẽ các mối quan hệ có tính chất mạng lưới. Việc hình thành một hệ sinh thái đổi mới kỹ thuật số thường theo hai con đường tương tác lẫn nhau. *Con đường thứ nhất* lấy các doanh nghiệp “nền tảng” đóng vai trò là kiến trúc sư, xây dựng hệ sinh thái đổi mới dựa trên các nền tảng công nghệ số. Con đường này thường được dẫn dắt bởi các doanh nghiệp hàng đầu, nắm giữ các vị trí quan trọng trong chuỗi đổi mới, đại diện cho con đường xây dựng từ dưới lên, do thị trường dẫn dắt. *Con đường thứ hai* lấy chính phủ đóng vai trò là kiến trúc sư của hệ sinh thái đổi mới, tuân theo lộ trình: Tập trung vào ngành công nghiệp kinh tế số - hình thành một hệ sinh thái đổi mới kỹ thuật số - phát triển hệ sinh thái đổi mới kỹ thuật số cộng sinh và cùng có lợi, đại diện cho con đường xây dựng từ trên xuống, do chính phủ thúc đẩy. Trung Quốc đã áp dụng chiến lược thúc đẩy đồng thời cả hai con đường.

Để thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới kỹ thuật số theo định hướng thị trường, Chính phủ Trung Quốc chủ yếu tập trung thực hiện đổi mới thiết kế thể chế trên ba phương diện: 1) Nới lỏng các quy định và hạ thấp rào cản gia nhập thị trường cho các doanh nghiệp nền tảng nhằm làm phong phú thêm hệ sinh thái nền tảng; 2) Thiết kế các chính sách xoay quanh sự phát triển cùng có lợi của các

doanh nghiệp khác nhau trong hệ sinh thái nền tảng; 3) Thúc đẩy sự cộng sinh và cùng có lợi giữa các hệ sinh thái nền tảng.

Về việc hình thành hệ sinh thái đổi mới kỹ thuật số do chính phủ dẫn dắt, Chính phủ Trung Quốc, với vai trò là kiến trúc sư, đã thiết kế một thể chế: 1) Dựa vào các khu công nghệ cao quốc gia để thúc đẩy sự tập trung các ngành công nghiệp kỹ thuật số chất lượng cao. Bản thân các khu công nghệ cao quốc gia thuộc về hệ sinh thái đổi mới do chính phủ dẫn dắt, sở hữu lợi thế tự nhiên trong việc tiên phong và thúc đẩy sự tập trung các ngành công nghiệp kỹ thuật số; 2) Phát triển các cộng đồng mã nguồn mở kỹ thuật số để xây dựng hệ sinh thái đổi mới kỹ thuật số. Các cộng đồng mã nguồn mở, với các yếu tố kỹ thuật số mở, nguồn tài nguyên sáng tạo, cùng khả năng lập trình và tính sẵn có của công nghệ kỹ thuật số, có thể thúc đẩy việc xây dựng hệ sinh thái mã nguồn mở kỹ thuật số và đạt được sự đồng sáng tạo giá trị giữa các bên tham gia; 3) Xây dựng hệ sinh thái đổi mới khu vực đặc sắc có tầm ảnh hưởng toàn cầu, hình thành một hệ sinh thái đổi mới kỹ thuật số cộng sinh và cùng có lợi. Trong quá trình xây dựng các hệ sinh thái đổi mới kỹ thuật số tại các khu công nghệ cao, Chính phủ Trung Quốc chủ động tạo ra các cụm hệ sinh thái đổi mới kỹ thuật số với các cấp độ khác nhau, có tính bổ trợ lẫn nhau về mặt công nghiệp, lan tỏa và thúc đẩy sự phát triển kinh tế số quốc gia thông qua các cụm đô thị, nơi các hệ sinh thái kỹ thuật số này tọa lạc. Đồng thời, Chính phủ Trung Quốc thúc đẩy các hệ sinh thái đổi mới kỹ thuật số có tầm ảnh hưởng toàn cầu bằng cách cung cấp hỗ trợ chính sách và phân bổ nguồn lực cho các

hệ sinh thái đổi mới kỹ thuật số khu vực trọng điểm.

#### **4. Các lựa chọn chính sách nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế trong nền kinh tế số từ góc nhìn của chính phủ kiến tạo**

**Hệ thống chính sách: Tăng cường mức độ tích hợp các chính sách công nghiệp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế trong nền kinh tế số**

Từ góc nhìn của một chính phủ kiến tạo, việc sử dụng “bàn tay hữu hình” không chỉ dừng lại ở quản lý mà còn là dẫn dắt chiến lược, quy hoạch ngành các chính sách công nghiệp, lựa chọn và xác định các ngành công nghiệp có lợi thế và chủ động lập kế hoạch các hướng đi và lĩnh vực mới cho sự phát triển công nghiệp trong tương lai. Chính phủ cũng thiết lập một hệ thống chính sách công nghiệp hướng tới năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế số phù hợp với các quốc gia đi sau, đạt được mục tiêu chính sách chuyển từ giai đoạn bắt kịp công nghiệp sang giai đoạn dẫn dắt công nghệ. Chìa khóa cho hiệu quả của các chính sách công nghiệp dưới sự dẫn dắt của một chính phủ kiến tạo phụ thuộc vào ba năng lực cốt lõi của bộ máy quản lý: Năng lực nhận diện xu hướng phát triển của các ngành công nghiệp tương lai; năng lực sàng lọc thông tin và định hình hệ sinh thái cạnh tranh trong các ngành công nghiệp; năng lực điều phối các lợi ích và hành động của các chủ thể cạnh tranh và các bên liên quan khác trong ngành, đạt được sự tương thích về lợi ích giữa thị trường và nhà nước, đồng thời cung cấp hạ tầng số như một loại hàng hóa công cộng phổ quát. *Trước hết*, cần xây dựng chiến lược phát triển ngành cân bằng giữa an ninh và phát triển, phù hợp với

yêu cầu cạnh tranh quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế. *Thứ hai*, tăng cường sự liên kết giữa các chính sách đột phá công nghệ cốt lõi quan trọng trong ngành công nghiệp số thuộc phạm trù kinh tế số, và nâng cao tính tích hợp của hệ thống chính sách đổi mới công nghệ số. *Thứ ba*, tăng cường sự hội tụ nội tại giữa chính sách công nghiệp và chính sách đổi mới, tích hợp các chính sách đổi mới vào các không gian triển khai chính sách công nghiệp như khu công nghiệp kinh tế số và khu vực thí điểm đổi mới kinh tế số.

**Quy định của Chính phủ: Tập trung vào việc xây dựng một hệ thống quản trị số mới với trọng tâm là quản trị công nghệ**

Từ góc nhìn của một chính phủ kiến tạo, chính sách hỗ trợ quan trọng để nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế số nằm ở việc xây dựng một hệ thống quản trị số mới, có thể được phát triển từ ba cấp độ.

*Thứ nhất*, ở cấp độ triết lý quản trị, chính phủ nên thúc đẩy sự đổi mới triết lý quản trị, chuyển từ quản trị mang tính khoan dung và giám sát ở giai đoạn đầu phát triển nền tảng sang quản trị thường xuyên và bền vững ở giai đoạn nền tảng ổn định và trưởng thành. Triết lý quản trị thay vì chỉ tập trung vào tính đổi mới và các tác động tiêu cực bên ngoài của hoạt động kinh doanh phát triển, nên hướng tới tạo ra giá trị dài hạn, phát triển bền vững và lành mạnh toàn bộ hệ sinh thái kinh tế nền tảng.

*Thứ hai*, ở cấp độ nội dung quản trị, chính phủ nên tập trung vào các công nghệ số - yếu tố hỗ trợ nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế số, đặc biệt là dựa trên việc xác định và đánh giá các tác động tiêu cực bên ngoài tiềm ẩn và mức độ ảnh hưởng trong quá trình đổi mới và ứng dụng

công nghệ số; xây dựng một hệ thống quản trị và điều hành công nghệ số phù hợp với định hướng trách nhiệm.

*Thứ ba*, ở cấp độ chủ thể quản trị, cấu thành chủ thể của hệ thống quản trị kỹ thuật số mới dần chuyển từ mô hình “chính phủ là chủ thể duy nhất” sang một cấu trúc quản trị đa bên bao gồm các doanh nghiệp nền tảng số, người dùng số và xã hội. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc phát huy vai trò tự quản trị của các doanh nghiệp nền tảng. Chính phủ đóng vai trò điều tiết vĩ mô, biến các doanh nghiệp hàng đầu thành những người thực thi quy tắc ngay trong hệ sinh thái của chính họ.

***Xây dựng hệ sinh thái: Chính phủ tích cực xây dựng hệ sinh thái xã hội để hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế số***

Chìa khóa để xây dựng một hệ sinh thái hướng tới việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế số là kiến tạo một hệ sinh thái xã hội phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế số, chủ yếu thể hiện ở bốn khía cạnh:

*Thứ nhất*, xây dựng một hệ sinh thái nhận thức số phù hợp với nhu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế số, tức là thúc đẩy các doanh nghiệp, đặc biệt là các ngành và doanh nghiệp truyền thống đẩy nhanh quá trình hình thành nhận thức số, thúc đẩy các doanh nghiệp chuyển từ tư duy internet đơn thuần sang tư duy số, thực hiện chuyển đổi số ngành và chuyển đổi số doanh nghiệp một cách nhanh chóng, đồng thời sử dụng nhận thức số để định hình lại và thúc đẩy sự hình thành một hệ sinh thái nhận thức trong quá trình nâng cao năng lực cạnh

tranh quốc tế của nền kinh tế số.

*Thứ hai*, xây dựng hệ sinh thái dư luận xã hội phù hợp với nhu cầu nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế số; tăng cường định hướng dư luận để nhận thức đúng đắn về nền kinh tế nền tảng; hướng dẫn truyền thông xã hội và công chúng tham gia vào việc xây dựng hệ sinh thái nền tảng, thúc đẩy kỳ vọng xã hội tích cực và truyền tải các tín hiệu công khai về sự phát triển của nền kinh tế nền tảng; và tập trung phản bác các quan điểm và hành động bôi nhọ, xuyên tạc về nền kinh tế nền tảng.

*Thứ ba*, hỗ trợ đổi mới khởi nghiệp của các doanh nghiệp số đa dạng trong khuôn khổ nền kinh tế số, tạo ra một nguồn lực đổi mới công cộng và không gian chung đổi mới công nghiệp cho các công nghệ nền tảng số. Thu hút vốn xã hội và nguồn lực xã hội vào đổi mới công nghệ số tiên phong và nghiên cứu cơ bản, tích cực tham khảo mô hình vận hành và phát triển ban đầu của các tổ chức như OpenAI; khuyến khích sử dụng nguồn tài chính xã hội dài hạn để hỗ trợ đổi mới công nghệ đột phá và đổi mới mang tính cách mạng trong các công nghệ cốt lõi quan trọng của nền kinh tế số.

*Thứ tư*, cần chủ động xây dựng một hệ sinh thái chính sách phù hợp với sự phát triển lành mạnh và bền vững của nền kinh tế nền tảng, phá bỏ các rào cản thể chế mâu thuẫn giữa chính sách cạnh tranh và chính sách công nghiệp, đặc biệt là tối ưu hóa môi trường và tiêu chuẩn thực thi pháp luật trong quá trình chống độc quyền trong nền kinh tế nền tảng ■

**NGUYỄN TRÍ CÔNG** *lược dịch*  
**ĐỖ KHƯƠNG MẠNH LINH** *hiệu đính*